

Bản án số: 69/2024/DS-ST
Ngày: 18/6/2024
“V/v trAh chấp hợp đồng vay
tài sản”

NHÂN DAH
NƯỚC CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C M, TỈNH A GIAG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Châu Vũ Sơn.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Pha Thị Nga;
- Bà Đào Thị Thu Vân.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Tường Vi, Thư ký Tòa án nhân dân huyện C M, tỉnh A GiAg.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C M, tỉnh A GiAg tham gia phiên tòa:** Bà Đoàn Thụy Thùy TrAg - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C M xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 442/2024/TLST-DS ngày 28 tháng 12 năm 2023 về “trAh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 210/2024/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 4 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 211/2024/QĐST-DS ngày 10 tháng 5 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 257/2024/QĐST-DS ngày 28 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Ông Nguyễn Lương Đình N, sinh năm 1990; địa chỉ: số nhà 731A, tổ 7, ấp Bình H, xã M Khánh, thành phố L X, tỉnh A GiAg; có văn bản xin xét xử vắng mặt.

2. **Bị đơn:** Ông Pha Văn T, sinh năm 1975; địa chỉ: tổ 13, khóm Thị 2, thị trấn M L, huyện C M, tỉnh A GiAg; vắng mặt.

Bà Đình Thị ThAh Thúy, sinh năm 1972; địa chỉ: tổ 13, khóm Thị 2, thị trấn M L, huyện C M, tỉnh A GiAg; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, tờ tự khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án ông Nguyễn Lương Đình N trình bày, do chỗ quen biết với vợ chồng ông T, bà Thúy nên vào ngày 13/3/2023 ông có cho vợ chồng ông T, bà Thúy vay với số tiền 400.000.000 đồng với hình thức chuyển khoản vào số tài khoản 1013877868 của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam mAg tên Đình Thị

ThAh Thúy, mục đích vay để đáo nợ Ngân hàng, hẹn trong vòng 05 ngày sẽ trả lại, hai bên không thỏa thuận lãi suất, sau đó đến hết 05 ngày vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả cho ông số tiền 400.000.000 đồng, ông có lại nhà đòi nhiều lần và điện thoại nhưng vợ chồng ông T bà Thúy vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho ông.

Nay ông yêu cầu vợ chồng ông T, bà Thúy có nghĩa vụ trả cho ông số tiền vay 400.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi theo quy định pháp luật từ ngày 13/3/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm.

Tại tờ tự khai bổ sung ông N xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với ông PhA Văn T, không yêu cầu ông PhA Văn T cùng có nghĩa vụ liên đới với bà Thúy trả cho ông số tiền vay 400.000.000 đồng.

- Bị đơn ông PhA Văn T, bà Đinh Thị ThAh Thúy đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt trong suốt quá trình công khai chứng cứ H giải vụ án nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến.

Tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp chứng minh cho ý kiến, yêu cầu khởi kiện là bản sao sổ tài khoản chuyển khoản ngày 13/3/2023 giấy căn cước công dân, đơn xin xác nhận nơi cư trú (bản sao).

Tại phiên tòa,

- Nguyên đơn ông Nguyễn Lương Đình N có văn bản xin vắng mặt nên không cung cấp chứng cứ nào khác.

- Bị đơn vắng mặt không có ý kiến.

- Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71, 234 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ý kiến giải quyết vụ án:

Ngày 13/3/2024, ông Nguyễn Lương Đình N có cho ông PhA Văn T, bà Đinh Thị ThAh Thúy vay số tiền 400.000.000 đồng với hình thức chuyển khoản. Mục đích ông T, bà Thúy vay tiền của để đáo nợ ngân hàng, hẹn trong vòng 05 ngày sẽ trả lại, hai bên không thỏa thuận lãi suất, đến hạn ông T, bà Thúy vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ như thỏa thuận nên ông N khởi kiện yêu cầu ông T, bà Thúy có nghĩa vụ trả cho ông N số tiền 400.000.000 đồng và yêu cầu

tính lãi suất theo quy định của pháp luật kể từ ngày 13/3/2023 đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm.

Tại Tòa án, ông N rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với ông T. Xét, việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của ông N là tự nguyện và phù hợp quy định của pháp luật nên cần đình chỉ theo Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự.

Phía ông T, bà Thúy đã được Tòa án giao nhận các văn bản tố tụng, biết được yêu cầu khởi kiện của ông Thắng nhưng không có ý kiến phản đối.

Về yêu cầu khởi kiện của ông N đối với bà Thúy, ông N cung cấp bản ảnh đã chuyển khoản vào số tài khoản 1013877868 của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam, xác định số tài khoản 1013877868 mAg tên Đinh Thị ThAh Thúy nên có cơ sở xác định giữa ông N và bà Thúy có xác lập hợp đồng vay tài sản. Do bà Thúy vi phạm nghĩa vụ thAh toán nên việc ông N khởi kiện là phù hợp Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự.

Về lãi suất, do bà Thúy chậm thực hiện nghĩa vụ thAh toán ảnh hưởng đến quyền lợi của ông N nên việc ông N yêu cầu tính lãi suất theo quy định của pháp luật kể từ ngày 13/3/2023 đến ngày Tòa án xét xử vụ án là phù hợp Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Từ những phân tích nêu trên, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự, quyết định:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Lương Đình N.
- Buộc bà Đinh Thị ThAh Thúy trả ông Nguyễn Lương Đình N số tiền vay 400.000.000 đồng và lãi suất theo quy định của pháp luật kể từ ngày 13/3/2023 đến ngày Tòa án đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm.
- Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Lương Đình N đối với ông PhA Văn T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

*** Về tố tụng:**

[1] *Về thẩm quyền giải quyết vụ án:* Ông Nguyễn Lương Đình N khởi kiện yêu cầu ông PhA Văn T, bà Đinh Thị ThAh Thúy có nghĩa vụ trả số tiền vay 400.000.000 đồng, ông PhA Văn T, bà Đinh Thị ThAh Thúy cư ngụ khóm Thị 2, thị trấn M L, huyện C M nên yêu cầu kiện của ông Thắng thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C M theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về sự vắng mặt của đương sự:* Trước khi phiên tòa được mở ông Nguyễn Lương Đình N có văn bản xin xét xử vắng mặt, ông PhA Văn T, bà Đinh Thị ThAh Thúy được tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông T, bà Thúy vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông N, ông T, bà Thúy theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

** Về nội dung:*

[3] Về việc xác lập và thực hiện hợp đồng:

Qua lời khai, các biên bản H giải và các tài liệu chứng cứ cung cấp, qua quá trình giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử xác định giữa ông N với ông T, bà Thúy có thỏa thuận với nhau việc vay tiền với hình thức chuyển khoản. Vào ngày 13/3/2023 ông N có cho vợ chồng ông T, bà Thúy vay với số tiền 400.000.000 đồng với hình thức chuyển vào số tài khoản 1013877868 của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam mAg tên Đinh Thị ThAh Thúy, mục đích vay để đáo nợ Ngân hàng, hẹn tròn vòng 05 ngày sẽ trả lại, hai bên không thỏa thuận lãi suất, hết thời giA 05 ngày bà Thúy vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả cho ông số tiền 400.000.000 đồng, ông có lại nhà đòi nhiều lần và điện thoại nhưng vợ chồng ông T bà Thúy vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho ông.

Xét thấy việc vay mượn giữa các bên được xác lập trên cơ sở tự nguyện, không trái đạo đức xã hội, và phù hợp với Điều 463 Bộ luật dân sự, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ, ông T, bà Thúy không thực hiện nghĩa vụ thAh toán nợ khi ông N có yêu cầu thu hồi vốn làm thiệt thời quyền lợi của ông N. Trong quá trình hòa giải cũng như tại phiên tòa ông T, bà Thúy vắng mặt và cũng không gửi ý kiến trình bày để Hội đồng xét xử xem xét, ông N xuất trình chứng cứ là giấy chuyển khoản giữa ông N với bà Thúy vào số tài khoản 1013877868 của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam mAg tên Đinh Thị ThAh Thúy.

Như vậy, lời khai trình bày của ông N phù hợp với tài liệu, chứng cứ mà ông đã cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án. Do đó có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông N.

Tại phiên Tòa, ông N có tờ tự khai bổ sung xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với ông T, không yêu cầu ông T cùng có nghĩa vụ liên đới với bà Thúy để trả cho ông số tiền vay 400.000.000 đồng, do đó Hội đồng xét xử nghĩ nên cần Đình chỉ đối với yêu cầu này là phù hợp với quy định pháp luật được quy định tại Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và nghĩa vụ trả nợ của bị đơn.

Ông N yêu cầu bà Thúy có nghĩa vụ trả tiền vốn vay 400.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi suất theo quy định pháp luật kể từ ngày 13/03/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm.

Xem xét yêu cầu nghĩa vụ trả nợ của bà Thúy Hội đồng xét xử nhận thấy, giữa ông N với bà Thúy cùng xác lập hợp đồng vay với nhau với hình thức chuyển khoản vào số tài khoản 1013877868 của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam mAg tên Đinh Thị ThAh Thúy, sau khi vay bà Thúy không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho ông N, mặc dù ông N có yêu cầu nhiều lần, do đó Hội đồng xét xử nghĩ nên buộc bà Thúy có nghĩa vụ trả cho ông N số tiền vay

400.000.000 đồng (bốn trăm triệu đồng) là có căn cứ phù hợp với quy định của pháp luật theo các Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[5] Về lãi suất: Trong quá trình làm việc ông N yêu cầu tính lãi suất từ ngày 13/03/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm, do đó số tiền được tính như sau:

Số tiền vốn vay là 400.000.000 đồng. Ngày 13/3/2023 đến ngày 18/6/2024 là 463 ngày x lãi suất 20%/năm = 102.889.000 đồng Tổng cộng vốn và lãi là 502.889.000 đồng.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án bà Đinh Thị ThAh Thúy phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Ông Nguyễn Lương Đình N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều:

Điều 463, 466, 468, 470 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Điều 26, 35, 39, 144, 147, 227, 228, 235, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Lương Đình N.

Buộc bà Đinh Thị ThAh Thúy có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Lương Đình N số tiền vốn vay 400.000.000 đồng (bốn trăm triệu đồng) và tiền lãi 102.889.000 đồng (một trăm lẻ hai triệu tám trăm tám mươi chín ngàn đồng). Tổng cộng vốn và lãi là 502.889.000 đồng (năm trăm lẻ hai triệu tám trăm tám mươi chín ngàn đồng).

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Lương Đình N đối với ông PhA Văn T.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Đinh Thị ThAh Thúy phải chịu 24.115. 000 đồng (hai mươi bốn triệu một trăm mười lăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Nguyễn Lương Đình N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho Nguyễn Lương Đình N số tiền tạm ứng án phí 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) mà ông N đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0014869 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện C M cấp ngày 28 tháng 12 năm 2023.

3. Đương sự có mặt tham gia phiên toà có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND H. C M;
- TAD tỉnh A GiAg;
- Chi cục THADS H. C M;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Châu Vũ Sơn

